

BIỆT GIẢI VỀ THIỆN THỨ (SUGATI)

Thiện thú là chỗ tái sanh tốt đẹp, may mắn, hữu hạnh. Danh từ này xuất phát từ mô hình: su + Gati và ý nghĩa chính xác của nó được nói rõ qua câu giải tự” *Sundarā gati sugati* → thiện thú là chỗ tái sanh tốt đẹp đầy may mắn”

Cũng trong *Paññāsa- atthakathā* đã phân tích từ *Sugati* ra ba trường hợp.

1. *Agāriyapaṭipattisugati*: đời sống thiện hạnh của cư sĩ (sự hành trì mười thiện nghiệp của cư sĩ được gọi là *Sugati*)
2. *Anāgāriyapaṭipattisugati*: đời sống phạm hạnh của bậc sa môn đặc chuyên về pháp học (*Ganthadhura*) hay pháp hành (*Vipassanādhura*) cũng được gọi là *Sugati*
3. *Gatisugati*: các sanh thú nhân thiên cũng được gọi là *Sugati*.

Có tất cả 27 cõi thuộc thiện thú, trong đó cõi nhân loại và 6 cõi trời dục giới được gọi chung là các cõi Dục-thiện thú (*Kāmasugati*) bởi vì 7 cõi này đặt nền tảng hạnh phúc trên sự hưởng thụ các dục-trần-cảnh. Do đó các Ngài đã giải thích từ *kāmasugati* như sau:

“*Kāmasahacaritā sugati kāmasugati*: dục thiện thú là những cõi thiện thú bị dục tham chi phối và tác động”.

Vậy, dục tham hay dục ái (*Kāmatanhā*) là gì? Đó là sự tham đắm trong năm trần cảnh, bất luận là vô tri (*Ajivita*)

hay hữu thức (*jīvita*)⁸ và rõ ràng là những ai muốn sanh vào 7 cõi thiện thú Dục giới cũng đều phải tạo trử các công đức như: bố thí, trì giới, tu tiến thể tại sao lại báo rằng các cõi đó do. Dục ái tác động? Quả thật vậy; chính Dục ái đã là một động cơ tích cực cho những công phu tạo trử phước báu ấy. Về điều này ta có một luận cứ như sau:

Tất cả tám đại thiện được huy động để làm việc bố thí, trì giới.... đều vẫn còn nằm trong phạm vi tam giới hay nói cách khác là còn quần quanh trong vòng luân hồi (*Vaṭṭasamsāra*) mà tam giới hay vòng luân hồi ấy lại được xếp vào khổ đế. khổ đế chỉ có một cội nguồn duy nhất là tập đế tức tham ái. Mà tham ái ở đây là tham ái nào, nếu đó không phải là dục ái? Chính vì thế mới có câu giải tự.

“*Kāmasahacaritā sugati kāmasugati*” để định nghĩa cho 7 cõi dục thiện thú

Sau đây sẽ lần lượt trình bày những chi tiết cần biết về 7 cõi dục thiện thú.

⁸ Như nam đối với nữ là cảnh dục hữu thức (*jīvita*), còn cái hao đẹp đối với mọi người là cảnh dục vô trí (*Ajīvita*)

CÔI NGƯỜI (MANUSSABHŪMI)

“**N**hân loại là những hữu tình có tâm lực mãnh liệt, về pháp thiện lẫn pháp ác”.

Nếu nói một cách chính xác thì câu giải tự này ám chỉ cho nhân loại ở châu nam thiện tức hành tinh của chúng ta. Còn nếu nói chung chung thì là nhân loại trong cả, bốn đại châu. Tại sao lại như thế? Bởi vì đối với loài người trên châu Nam thiện, nếu nói về khía cạnh thiện pháp thì chỉ ở đây mới, phát tích ra những nhân vật phi thường, trác việt như chư Phật Toàn Giác. Độc Giác, Chư Thánh Thịnh Văn, chư đạo sĩ chứng đạt thiền định hay các bậc Chuyển Luân Vương.

Còn nói về mặt ác pháp thì chỉ có người ở châu Nam thiện mới dám làm những tội ác tày trời như sát hại cha mẹ, xúc phạm thánh nhân một cách thái quá.

Như vậy nhân loại là một loài hữu tình có hùng tâm hơn các loài khác, mà nhân loại ở châu Nam thiện lại là những người có hùng tâm hơn nhân loại ở ba đại châu kia, về mọi phương diện. Do đó người ở châu Nam thiện mới được gọi là *manussa* một cách đúng nghĩa, còn nhân loại ở ba châu kia, chỉ được gọi là *Manussa* vì trên hình dáng rất giống với người châu Nam thiện. Thế thôi.

Có một lỗi giải thích khác nữa về tên gọi *Manussa*:

- *Kāraṇākāraṇaṃ manati jānātīti manusso* (nhân loại là một sinh vật biết nhận xét, định tri các vấn đề)

Về khả năng này nhân loại ở châu Nam thiện vẫn nổi bật nhất. Loài người tại đây luôn tỏ ra ham học hỏi, thích nghiên cứu về các sự vật, về các khái niệm tri thức trừu tượng hay thực tế. Tiếng *kāraṇa* trên đây có nghĩa là nguyên nhân hay nguồn cội. Loài người ở châu Nam thiện luôn tìm tòi hai vấn đề lớn: Danh và sắc (tức tâm linh và vật chất). Họ muốn khám phá mọi bí ẩn về hai vấn đề đó; và nhờ vậy, họ trở thành một loài hữu tình có trí nhận xét và định tri các vấn đề dù sâu sắc hay nông cạn.

Hai từ *kāraṇa akāraṇa* trên đây còn có nghĩa là hợp lý hay không hợp lý, thích ứng hay không thích ứng, nên làm hay không nên làm. Đây cũng là những vấn đề mà dân Nam thiện bộ châu vẫn thường xuyên tìm tòi, khai phá. Theo câu giải tự trên, ta có thể nói rằng vì trí tuệ suy luận phổ quát, thì kể cả Chư Phạm Thiên hay Chư Thiên hoặc nhân loại ở ba châu kia đều không thể sánh bằng nhân loại ở châu Nam thiện.

• Tiếng *Manussa* còn được định nghĩa bằng nhiều cách khác nữa.

Nhân loại Nam thiện bộ châu còn là những người có trí tuệ về những vấn đề vô ích và hữu ích, dù của thân, khẩu hay tư tưởng. Họ có những hiểu biết về lợi ích hiệp thể và lợi ích siêu thể. Lợi ích hiệp thể là nói về danh vọng uy quyền hay làm thế nào để sanh lên các cõi trời Dục giới, Sắc giới. Còn lợi ích siêu thể là sự thành đạt những gì mà chư Thánh Tăng đã thành đạt như đạo quả Níp Bàn.

Nhân loại Nam thiện bộ châu vượt xa tất cả Chư Thiên cùng với loài người ở ba đại châu kia về những tri thức như thế và về những pháp đặc biệt như: tin, cần, trí, tu đạo ba la mật và biết lựa người để thân cận, gần gũi. Dân Nam thiện cũng tỏ ra hiểu biết hơn mọi hữu tình khác về thiện và bất thiện. Thiện pháp nhập thế và xuất thế Thiện pháp nhập thế là thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, tu chí, tu quán. Thiện pháp xuất thế chính là Thánh Đạo.

Đó là phân tích tổng quát, còn nếu phân tích chuẩn xác hơn, thì ta phải nói rằng tại châu Nam Thiện, chỉ có những Phật tử, những tăng tín đồ Phật Giáo mới có được những điều đặc biệt vừa kể, chỉ có các tăng tín đồ Phật Giáo mới có những hiểu biết sâu sắc về các pháp. Còn giáo đồ của các tông phái khác thì không được như vậy. Bởi chỉ có Giáo đồ đạo Phật mới biết phát triển chánh tín, chánh cần, trí tuệ, tu tạo pháp độ và thân cận hiền sĩ. Thế thì họ mới là nhân loại đúng nghĩa, mới là những hữu tình xứng đáng tên gọi của mình!. Còn những người ngoài ra đó; có được gọi bằng danh xưng *Manussa* (nhân loại) đi chăng nữa cũng chỉ là một tên gọi không chính xác.

• Theo các văn phạm gia *Pāli* thì danh từ *Manussa* lại được định nghĩa như sau:

- *Manuno apaccāti manussā.*

(Nhân loại là hậu duệ của Đức vua *Manu*) tức là vào thời kỳ sơ kiếp, loài người đã tự chọn một nhân vật nào đó, mà theo họ là được xem như nhiều phước báu nhất để lên làm vua. Ngày ấy họ đã bầu Bồ Tát. Bồ Tát vốn tên thật là *Manu*, nhưng sau khi lên ngôi, mọi người gọi ngài

bằng mỹ danh *Mahāsammata*, (vị vua do quần chúng chỉ định, đề cử) Đức vua *Mahāsammata* là một vị minh quân, ngài đã cho ban hành một bộ quốc luật đến dân chúng để mọi người y cứ theo đó mà sinh hoạt, xã hội nhờ vậy mà được hoàn chỉnh hơn. Tinh thần quan yếu của bộ quốc luật này là làm lành lánh dữ, mọi người phải biết thương yêu, kính mến nhau, từ gia đình ra ngoài xã hội. Nhân loại thời đó lấy làm hãnh diện khi có một người cha tinh thần như vậy nên đã tự xưng mình là *Manussa* (hậu duệ của vua *Manu*). Vua *Manu* được xem là vị Hoàng Đế đầu tiên trên địa cầu này, và tinh thần của bộ quốc luật (hiến pháp) do ngài đưa ra cho đến nay vẫn còn được áp dụng trong tất cả, những quốc gia có nền văn minh lâu đời nhưng không một ai biết được cội nguồn đó, cội nguồn của những quy củ xã hội mà ai ai cũng phải nhìn nhận.

Trong bộ *Manuvañṇanādhammasattha* có nói về vua *Manu* như sau:

Yassasinam sarājinam

Lokasīmānurakkhinam

Adibhūtam pathaviyam

Kathayanti manūti yam

Evañca manunāmiko

Paṇḍi to muddubyattavā.

Người ta gọi vua *Mahāsammata* là thái tổ *Manu*, vị vua đầu tiên trên quả đất có lẽ lỗi cai trị hẳn hoi, Ngài là vị hiền vương, minh quân vậy.

Nhân loại ở đại châu Nam Thiện vượt xa nhân loại Bắc Cưu Lư châu trên ba phương diện.

1. *Surabhāva*: hùng tâm, tức là đủ tám lực thực hiện những việc to tát, quan trọng.

2. *Satimanta*: có chánh niệm vững mạnh nơi Tam Bảo

3. *Brahmacariyavāsa*: có thể sống đời phạm hạnh thanh tịnh.

Kể cả chư thiên cõi Đạo Lợi cũng thua kém nhân loại Nam Thiện Bộ Châu về ba điểm này, nên trong *Narakanipāta-Ānguttaranikāya* có ghi như sau:

Tīhi bhikkhave thānehi jambudīpakā muanussā uttarakuruke manudde adhigaṇhanti deve ca tāvatimse katamehi tīhi thānehi sūrā ca satimanto ca īdha brahmacariyavāso cāti!

Chỉ có châu Nam thiện là đủ điều kiện để tu tạo Ba-la-mật nhất là đời sống xuất gia, nên các vị Bồ Tát nào muốn bồ tát pháp độ đều không bao giờ sống hết tuổi thọ nên các cõi trời nhiều tuổi. Các vị ấy thường chú nguyện cho mạng sống chầm dứt (*adhimuttijālakiriyā*) để sanh xuống châu Nam thiện tu tạo Ba la mật tiếp tục điều này đã được ghi lại trong bộ *Sumaṅgalavilāsinī (mahāvaggatthakathā-2/28)*.

Aññadā pana dīghāyukadevaloke nibbattā bodhisattā na yavatāyukam tiṭṭhanti kasmā? Tattha pāraminam duppāranīyattā!

“Thường thì chư Bồ Tát không sống hết tuổi thọ ở các cõi trời nhiều tuổi bởi vì ở đó rất khó bồ tát pháp độ”

Nói về châu Bắc cưu lưu thì cũng có ba điểm vượt trội nhân loại ở châu Nam thiện và Chư Thiên Đạo Lợi.

1- Không chấp thủ của cải tài sản.

2- Không chấp thủ vấn đề tình nhân, hay quan hệ tình cảm, tức là không có nghĩ rằng đây là vợ tôi, con tôi, chồng tôi....

3- Có hạn lượng tuổi thọ nhất định.

Nhân loại Bắc Cưu Lưu Châu từ bé đến già đều thọ tri ngũ giới chín chắn nên sau khi chết ai cũng được sinh lên thiên giới, điều đó gần như đã trở thành một quy luật. Như trong *Navāṅguttaratthakathā* và *sāratthadīpanīṭi* có ghi:

“*Gatipi nibaddhā tato cavitvā saggeva nibbantanti*: tất cả dân chúng ở đại châu Bắc Cưu Lưu sau khi bỏ thân người đều được sanh lên thiên giới”.

Nhưng từ thiên giới chết đi thì vấn đề sinh thú đối với họ cũng bất định; có thể sa đoạ hoặc có thể tái sanh lạc cảnh. Điều đó không chắc chắn.

VỊ TRÍ CÁC CỖ NHÂN LOẠI

Cỗ hay chỗ của loài người gọi theo *Pāli* thì gồm có hai danh từ:

- *Manussabhūmi, manussā*
- *Manussānaṃ bhūmiti manussabhūmi*
- *Manussānaṃ nivāsā manussā*

Trong câu giải tự thứ nhất hợp từ *Manussabhūmi* được hình thành theo luật phức hợp ngữ (*samāsa*), ở đây người ta xoá *Sivibhatti* (ngữ cách thứ sáu) của *manussa*. Còn ở câu giải tự thứ hai, từ *manussā* được hình thành bằng cách xoá *Sivibhatti* của *manussānaṃ* rồi lấy vĩ ngữ *ā* của *nivāsā* ghép vào ở đây *Nivāsa* là một từ thứ chuyển hoá ngữ (*taddhita*).

Vị trí của bốn đại châu nhân giới nằm ở bốn phía của núi Tu Di, tức là núi Tu Di nằm giữa bốn đại châu. Tất cả đều nằm trên đại dương. Nằm ngoài bốn đại châu là dãy Thất Trùng Sơn, (hay còn gọi là Thất Vi Sơn) của núi Tu Di cùng với 2000 tiểu châu nữa.

Bốn đại châu nhân giới gồm có:

1. *Pubbavadehadīpa* (đông thắng thần châu)
2. *Aparagoyānadīpa* (Tây Ngưu Xa châu)
3. *Jambudīpa* (diêm phù đề hay Nam Thiện bộ châu)
4. *Uttarakurudīpa*: (Bắc Cưu Lưu Châu)

Nói về tuổi thọ của nhân loại trong 4 đại châu thì không giống nhau. Loài người ở châu Nam Thiện có hạn lượng

tuổi thọ bất định, khi nào ăn hiền ở lành đúng mức thì có thể sống đến cả A tăng kỳ tuổi (A tăng kỳ ở đây là một con số rất lớn, nếu viết ra chữ số, thì phải là một con số 1 và 140 con số 0). Khi nào có đời sống thoái đoạ quá mức thì tuổi thọ ở châu Nam Thiện xuống đến mức tối đa là 10 tuổi. Còn nhân loại ở Đông Thắng Thần Châu thì có hạn lượng tuổi thọ cố định là 700 năm, ở Tây Ngưu Xa Châu là 500 năm. Ở Bắc Cưu Lưu Châu là 1000 năm. Tất cả ba đại châu này luôn luôn có tuổi thọ như vậy, không tăng giảm bất thường như ở châu Nam Thiện.

Mỗi đại châu đều có 500 tiểu châu phụ thuộc (*parivāra*) vậy có tất cả là 2000 tiểu châu (4 đại châu x 500 tiểu châu). Nhân loại trong 2000 tiểu châu ấy có tuổi thọ tương thuộc vào bốn đại châu, tức là nhân loại trong mỗi tiểu châu có hạn định tuổi thọ tương đương với nhân loại trong đại châu mà mình phụ thuộc. Như theo *Samyuttanikāya-atthakathā* có ghi:

“Jambudīpavāsīnaṃ āyuppamāṇaṃ natthi pubbavī-dehānaṃ sattavassasacāyukā aparagoyānavāsīnaṃ pañcavassasatāyukā uttarakuruvaasīnaṃ vassasahassayukā tesam tesam parittadīpavāsīnampi tada-nugatikāva.